

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày 30-01-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Phạm Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Thu A; ĐKKHKT: Thôn Tả Quan, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Bắc Vang, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Song Dong B; nơi cư trú: 1874, Sinchon-ri, Jocheon-eup, Jeju-si, Jeju Special Self-Governing, Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Dương Thị Thu A trình bày:

Chị Dương Thị Thu A và anh Song Dong B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 20 tháng 6 năm 2017 và đã ghi chú kết

hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 11 tháng 7 năm 2017. Sau khi kết hôn, chị sang Hàn Quốc chung sống với anh Song Dong B. Tuy nhiên do bất đồng về ngôn ngữ, quan điểm sống, lối sống nên chị A đã dọn ra ngoài ở và ly thân với anh Song Dong B. Từ đó đến nay, chị và anh Song Dong B không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng không còn liên quan gì với nhau về mặt tình cảm lẫn kinh tế. Đến cuối năm 2021, chị A trở về Việt Nam và không có ý định quay trở lại Hàn Quốc để đoàn tụ với anh Song Dong B. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh Song Dong B mỗi người ở một nơi, nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Song Dong B.

Về con chung: Anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn anh Song Dong B:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu anh Song Dong B trả lời để cung cấp lời khai cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 23 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã nhận được kết quả tổng đạt của Bộ Tư pháp, theo đó thì Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp do địa chỉ của anh Song Dong B không xác định. Sau đó, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Dương Thị Thu A tự nguyện kết hôn với anh Song Dong B tại Hàn Quốc vào ngày 20 tháng 6 năm 2017 và đã ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 11 tháng 7 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thu A được ly hôn anh Song Dong B. Về con chung: Chị Dương Thị Thu A khai chị và anh Song Dong B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về tài sản chung: Chị Dương Thị Thu A khai chị và anh Song Dong B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là anh Song Dong B hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, nguyên đơn là chị Dương Thị Thu A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Dương Thị Thu A vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Song Dong B vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Dương Thị Thu A và anh Song Dong B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thu A tự nguyện kết hôn với anh Song Dong B và kết hôn với anh Song Dong B tại Hàn Quốc vào ngày 20 tháng 6 năm 2017 và đã ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 11 tháng 7 năm 2017. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại Hàn Quốc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng bất đồng quan điểm sống, lối sống nên chị A đã dọn ra ngoài, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay chị A đã trở về Việt Nam và không có ý định quay lại Hàn Quốc để đoàn tụ với anh Song Dong B. Xét thấy, tình cảm của chị A dành cho anh Song Dong B không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ và đã ly thân một thời gian dài nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Thu A đối với anh Song Dong B.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị Thu A xác nhận chị và anh Song Dong B không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Dương Thị Thu A xác nhận chị và anh Song Dong B không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp: Chị Dương Thị Thu A là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Thu A khai chị và anh Song Dong B có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Thu A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thu A được ly hôn anh Song Dong B.

Về con chung: Chị Dương Thị Thu A xác nhận chị và anh Song Dong B không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Dương Thị Thu A xác nhận chị và anh Song Dong B không có tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Dương Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000380 ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Dương Thị Thu A phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000381 ngày 25 tháng 3 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Chị Dương Thị Thu A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Dương Thị Thu A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Song Dong B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- UBND huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Kim Dung - Đặng Huy Du

Đặng Hồ Điệp